

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2024/DS-ST

Ngày: 28-8-2024

V/v: "Chia tài sản chung của vợ chồng
và Chia thừa kế tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2024 về "Chia tài sản chung của vợ chồng và C thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 93/2024/QĐST-TCDS ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Văn R, sinh năm 1945; địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Chị Đinh Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

2. Chị Đinh Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: N Ba S, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đinh Thị H1, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (có mặt)

2. Chị Đinh Thị M, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (có mặt)

3. Chị Đinh Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đinh Văn R trình bày:*

Ông Đinh Văn R và bà Nguyễn Thị K đăng ký kết hôn năm 1965. Trong quá trình chung sống, ông R và bà K có 07 người con chung là chị Đinh Thị H1, chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị L, chị Đinh Thị T; Đinh Thị V (sinh năm 1975, chết năm 1977) và một con trai (chưa khai sinh) sinh năm 1978, chết ngay sau khi đẻ được khoảng vài tiếng).

Ngoài ra ông R và bà K không có con riêng, con nuôi nào khác.

Ngày 23/09/2020 bà Nguyễn Thị K chết, không để lại di chúc.

Quá trình chung sống ông bà có tài sản chung là quyền sử dụng đất được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số L533430 ngày 10 tháng 09 năm 1997 thuộc bản đồ số 8, thửa 188, tổng diện tích 1020 m². Năm 2018 ông R, bà K chuyển nhượng cho người khác 393m² và được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM997728 đối với thửa đất số 283, tờ bản đồ số 8, diện tích 627 m² (Trong đó: đất ở 167 m², đất vườn 115 m², đất ao 345 m²), đứng tên Đinh Văn R và Nguyễn Thị K.

Do mở rộng làm đường giao thông thủy lợi diện tích đất hiện trạng sử dụng thửa đất số 283, tờ bản đồ số 8, xã H còn lại là 605m² (giảm trừ 22m² đất NTS). Đến nay, ông R đề nghị chia tài sản chung và chia di sản thừa kế nhưng các con là chị H, chị T không đồng ý nên ông R có đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng và chia di sản thừa kế của bà K theo quy định của pháp luật theo hiện trạng sử dụng thực tế hiện nay là thửa đất 283, tờ bản đồ số 8 tại xóm T, xã H có diện tích 605m² (trong đó: 167m² đất ở, 115m² đất vườn, 323m² đất ao), được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,6,1), thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM997728 ngày 16/11/2018, đứng tên ông Đinh Văn R, bà Nguyễn Thị K.

Ông R xin được hưởng toàn bộ thửa đất và thanh toán giá trị bằng tiền cho các con. Trường hợp Tòa án xét thấy cần phải chia quyền sử dụng đất cho chị H, chị T thì ông cũng nhất trí và để cho các chị được hưởng phần đất phía Đông thổ, phần còn lại ông được quyền sử dụng và thanh toán tiền cho chị H1, chị M, chị L.

Về phần đất bị giảm diện tích, đất nông nghiệp và tài sản trên đất, ông R không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn là chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị T mặc dù đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bằng các hình thức tổng đạt niêm yết công khai văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú, thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng, do chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị T không có mặt ở địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã đăng thông tin tìm kiếm chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị T trên các phương tiện thông tin đại chúng gồm: Đăng thông tin tìm kiếm trên B 3 số liên tiếp 47,48 và số báo gộp 49+50 ra các ngày 12/6, 14/6 và 19/6/2024; trên đài VOV AMS của Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông phát VOV2 vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 14, 15, 16 tháng 6 năm 2024 và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án về việc ông Đinh Văn R có đơn khởi kiện chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị T về chia tài sản chung của ông, bà K đồng thời chia di sản thừa kế của bà K nhưng đến nay chị H, chị T không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông R, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị H1, chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị L nhất trí để ông Đinh Văn R được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất và đề nghị ông R có trách nhiệm thanh toán giá trị bằng tiền đối với phần di sản mình được chia.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không hợp tác làm việc với Tòa án, chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn R.

1.1. Xác định tài sản chung của ông Đinh Văn R và bà Nguyễn Thị K là thửa đất 283, tờ bản đồ số 8 tại xóm T, xã H diện tích sử dụng hiện trạng là 605m² (trong đó: 167m² đất ở, 115m² đất vườn, 323m² đất ao), được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,6,1), thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM997728 ngày 16/11/2018, đứng tên ông Đinh Văn R, bà Nguyễn Thị K. Có giá trị quyền sử dụng đất là 943.100.000 đồng (Chín trăm bốn mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

Phần đất bị giảm 22m² đất ao, không xem xét giải quyết.

1.2. Ông R, bà K mỗi người được quyền sử dụng phần đất diện tích là 302.5m², có giá trị là 471.550.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Xác định giá trị tài sản thừa kế bà K để lại là 471.550.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

1.3. Giao toàn bộ thừa đất trên cho ông Đinh Văn R được quyền sử dụng nhưng ông R có trách nhiệm thanh toán giá trị kỹ phần thừa kế cho chị Đinh Thị H1, chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị L, chị Đinh Thị T mỗi người là 78.591.666 đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) .

2. Về án phí và chi phí xem xét thẩm định: Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn là chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H, chị T phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ông Đinh Văn R khởi kiện chị Đinh Thị H2, chị Đinh Thị T về việc yêu cầu Tòa án: Chia tài sản chung của vợ chồng và chia thừa kế tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy các Bị đơn và tài sản đang tranh chấp đều có địa chỉ tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu theo định tại Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thừa đất số 283, tờ bản đồ số 8 tại xã H:*

- *Theo hồ sơ địa chính:*

Tại Bản đồ địa chính xã H lập năm 1995, thửa đất này thuộc thửa đất số 188, tờ bản đồ số 8 xã H, tên R, diện tích 1020m² (trong đó: 280m² đất ở, 115m² đất vườn, 465m² đất ao, 160m² đất hai lúa).

Tại sổ mục kê, sổ địa chính có kết quả phù hợp với số liệu tại Bản đồ địa chính xã H. Ngày 10/9/1997, thửa đất trên được công nhận quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L583430, đứng tên hộ ông Đinh Văn R đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 8 xã H.

Ngày 10/5/2017, chuyên đổi mục đích 80m² đất chuyên trồng lúa nước sang đất ở nông thôn theo Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 08/5/2017.

Ngày 03/8/2018, thửa đất này được cấp đổi thành thửa đất số 188, tờ bản đồ số 8, xã H, diện tích 900m² (trong đó: 360m² đất ở, 115m² đất vườn, 345m² đất ao, 80m² đất hai lúa). Diện tích giảm đi do đo đạc thực tế.

Năm 2018, thửa đất số 188, tờ bản đồ số 8, xã H được tách làm là thửa đất số 282, thửa đất số 283 thuộc tờ bản đồ số 8. Ông R, bà H2 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Bùi Văn H3 và bà Nguyễn Thị H4 thửa đất số 282, tờ bản đồ số 8 diện tích 273m² (trong đó: 193m² đất ở, 80m² đất hai lúa); đồng thời ông R, bà K được quyền sử dụng thửa đất số 283, tờ bản đồ số 8, diện tích 627m² (trong đó: 167m² đất ở, 115m² đất vườn, 345m² đất ao) và đã được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM997728 ngày 16/11/2018, đứng tên ông Đinh Văn R, bà Nguyễn Thị K.

- Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ:

Theo kết quả đo đạc hiện trạng, diện tích thửa đất số 283, tờ bản đồ số 8, đứng tên ông R, bà K tại xã H có diện tích 605m², giảm 22m² so với hồ sơ địa chính.

Tại phiên Toà, các đương sự có mặt là ông R, chị H1, chị M, chị L thống nhất khai nhận phần đất thiếu 22m² là đất ao do hiến đất mở rộng làm đường giao thông, đề nghị giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, chia thừa kế tài sản trong phạm vi đất còn lại theo hiện trạng sử dụng là 605m². Về phần đất bị giảm không yêu cầu giải quyết.

[4] Về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và chia thừa kế tài sản:

[4.1] Về thời điểm mở thừa kế: Bà Nguyễn Thị K chết ngày 23/9/2020, thời điểm mở thừa kế của bà K là ngày 23/9/2020.

[4.2] Về diện và hàng thừa kế:

Năm 2020, bà K chết, trước khi chết không để lại di chúc nên chia di sản thừa kế của bà K để lại theo pháp luật. Bố mẹ bà K chết trước bà K nên hàng thừa kế thứ nhất của bà K gồm: Ông Đinh Văn R, chị Đinh Thị H1, chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị L, chị Đinh Thị T. Do đó, diện và hàng thừa kế của bà K gồm có 06 kỹ phần, chia đều cho 06 người trên.

[5] Về tài sản chung của ông Đinh Văn R, bà Nguyễn Thị K và Di sản thừa kế bà K để lại:

HĐXX xét thấy, diện tích giảm theo đo đạc tại thực địa được các đương sự tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết, thống nhất khai nhận nên HĐXX không xem xét giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bằng việc xem xét hồ sơ

địa chính, xem xét thẩm định tại chỗ, sơ đồ đo đạc, cần khẳng định tài sản chung của ông R, bà K là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 283, tờ bản đồ số 8, diện tích 605m² (trong đó: 167m² đất ở, 115m² đất vườn, 323m² đất ao), có giá trị là:

167m² Đất ONT x 2.500.000 đồng/m² + 115 m² đất CLN x 1.200.000 đồng/m² + 323 m² đất NTS x 1.200.000 đồng/m² = 943.100.000 đồng (Chín trăm bốn mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

Về đất nông nghiệp, công trình trên đất và một số cây trồng trên đất đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Theo quy định tại Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông R, bà K mỗi người có ½ tài sản nằm trong tài sản chung của vợ chồng. Ông R, bà K được quyền sử dụng phần đất diện tích là 605m² : 2 = 302.5m², có giá trị là 471.550.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi một triệu năm trăm lăm mươi nghìn đồng). Như vậy, giá trị tài sản thừa kế bà K để lại là 471.550.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi một triệu năm trăm lăm mươi nghìn đồng).

[6] Phân chia di sản theo giá trị:

Hàng thừa kế thứ nhất của bà K gồm: Ông Đinh Văn R, chị Đinh Thị H1, chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị L, chị Đinh Thị T. Do đó, diện và hàng thừa kế của bà K gồm có 06 kỹ phần, chia đều cho 06 người trên nên giá trị di sản thừa kế Ông Đinh Văn R, chị Đinh Thị H1, chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị L, chị Đinh Thị T mỗi người được hưởng là 464.950.000 : 6 = 78.591.666 đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

[7] Phân chia di sản theo hiện vật:

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn là chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị T mặc dù đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bằng các hình thức tổng đạt niêm yết công khai văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú, thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng, do chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị T không có mặt ở địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã đăng thông tin tìm kiếm chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị T trên các phương tiện thông tin đại chúng gồm: Đăng thông tin tìm kiếm trên B 3 số liên tiếp 47,48 và số báo gộp 49+50 ra các ngày 12/6, 14/6 và 19/6/2024; trên đài VOV AMS của Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông phát VOV2 vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 14, 15, 16 tháng 6 năm 2024 và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án về việc ông Đinh Văn R có đơn khởi kiện chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị T về chia tài sản chung của ông, bà K đồng thời chia di sản thừa kế của bà K nhưng đến nay chị H, chị T không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông R, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ

Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

Chị Đinh Thị H1, chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị L xin đề ông R được hưởng toàn bộ tài sản và xin được nhận phần di sản được hưởng bằng giá trị, Ông R nhất trí nhận toàn bộ tài sản và thanh toán chênh lệch bằng giá trị tài sản cho các con. Chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị T không có ý kiến. Tuy nhiên xét thấy phần đất các chị H, chị T được chia có diện tích là quá nhỏ, không đủ điều kiện cấp quyền sử dụng đất. Do đó nên chia cho ông Đinh Văn R được sử dụng toàn bộ thửa đất 283, tờ bản đồ số 8 tại xóm T, xã H có diện tích 605m² (trong đó: 167m² đất ở, 115m² đất vườn, 323m² đất ao), được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,6,1), thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM997728 ngày 16/11/2018, đứng tên ông Đinh Văn R, bà Nguyễn Thị K và buộc ông R có trách nhiệm thanh toán giá trị kỹ phần thừa kế cho chị Đinh Thị H1, chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị L, chị Đinh Thị T mỗi người là 78.591.666 đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) là phù hợp.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đinh Văn R vì thuộc đối tượng là người cao tuổi.

- Chị Đinh Thị H1, chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị L, chị Đinh Thị T phải nộp án phí đối với phần tài sản được chia.

[9] Chi phí tố tụng: Ông Đinh Văn R đã nộp đủ tiền chi phí đo đạc thẩm định và định giá tài sản; chi phí thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn R.

1.1. Xác định tài sản chung của ông Đinh Văn R và bà Nguyễn Thị K là thửa đất 283, tờ bản đồ số 8 tại xóm T, xã H là phần đất S có diện tích 594m² (trong đó: 167m² đất ở, 93m² đất vườn, 334m² đất ao), được giới hạn bởi các

điểm (1,2,3,4,5,6,1), thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM997728 ngày 16/11/2018, đứng tên ông Đinh Văn R, bà Nguyễn Thị K. Có giá trị quyền sử dụng đất là 943.100.000 đồng (Chín trăm bốn mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

Phần đất bị giảm 22m² đất ao do hiến đất mở rộng làm đường giao thông, **không xem xét giải quyết.**

1.2. Ông R, bà K mỗi người được quyền sử dụng phần đất diện tích là 302.5 m², có giá trị là 471.550.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi một triệu năm trăm lăm mươi nghìn đồng). Xác định giá trị tài sản thừa kế bà K để lại là 471.550.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi một triệu năm trăm lăm mươi nghìn đồng).

2. Đương sự được quyền sử dụng đất như sau:

Ông Đinh Văn R được quyền sử dụng thửa đất số 283, tờ bản đồ số 8 tại xóm T, xã H có diện tích 605m² (trong đó: 167m² đất ở, 115m² đất vườn, 323m² đất ao), được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,6,1), thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM997728 ngày 16/11/2018, đứng tên ông Đinh Văn R, bà Nguyễn Thị K. Nhưng ông R có trách nhiệm thanh toán giá trị kỹ phần thừa kế cho chị Đinh Thị H1, chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị L, chị Đinh Thị T mỗi người là 78.591.666 đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Chị Đinh Thị H1, chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị L, chị Đinh Thị T mỗi người được nhận từ ông Đinh Văn R số tiền 78.591.666 đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

(Có sơ đồ quyền sử dụng đất vẽ kèm theo)

3. Đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án của Tòa án.

Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM997728 ngày 16/11/2018, đứng tên ông Đinh Văn R, bà Nguyễn Thị K do ông Đinh Văn R giữ.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự khi đương sự có yêu cầu theo quyết định của Bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Đinh Văn R đã nộp đủ tiền chi phí đo đạc thẩm định và định giá tài sản; chi phí thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Ông Đinh Văn R được miễn án phí dân sự sơ thẩm vì thuộc đối tượng người cao tuổi.

- Chị Đinh Thị H1, chị Đinh Thị H, chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị L, chị Đinh Thị T mỗi người phải nộp 3.929.583 đồng (ba triệu chín trăm hai mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng